

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính
trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2025**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Căn cứ Kế hoạch 254/KH-UBND ngày 16/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Phương án đơn giản hóa 73 thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các Sở, ban, ngành tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố lại thời gian giải quyết; phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính được đơn giản hoá.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (V).

CHỦ TỊCH



Lê Hồng Vinh

PHƯƠNG ÁN

**Đơn giản hóa thủ tục hành chính
trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2025**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số **2632** /QĐ-UBND ngày **18/8/2025**
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)*

I. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH (21 thủ tục)

1. Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

1.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.259.005.430 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.825.195.590 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 433.809.840 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 19%.

2. Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên

2.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

2.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.889.143.080 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.526.360.040 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 362.783.040 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 19%.

3. Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên

3.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

3.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 642.991.470 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 519.514.110 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 123.477.360 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 19%.

4. Đăng ký thành lập công ty cổ phần

4.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

4.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 512.117.100 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 413.772.300 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 98.344.800 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 19%.

5. Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần

5.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

5.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.763.958.900 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.425.215.700 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 338.743.200 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 19%.

6. Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)

6.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

6.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 561.432.080 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 453.617.040 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 107.815.040 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 19%.

7. Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

7.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

7.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 441.938.090 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 357.070.170 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 84.867.920 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 19%.

8. Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết

8.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

8.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 89.146.310 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 72.027.030 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 17.119.280 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 19%.

9. Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)

9.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

9.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 694.203.180 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 560.891.340 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 133.311.840 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 19%.

10. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)

10.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

10.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 523.497.480 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 422.967.240 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 100.530.240 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 19%.

11. Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)

11.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

11.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 419.177.330 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 338.680.290 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 80.497.040 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 19%.

12. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

12.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

12.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.183.559.520 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 956.273.760 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 227.285.760 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 19%.

13. Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại

13.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

13.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 83.456.120 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 67.429.560 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 16.026.560 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 19%.

14. Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

14.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

14.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 153.635.130 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 124.131.690 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 29.503.440 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 19%.

15. Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

15.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

15.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 92.939.770 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 75.092.010 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 17.847.760 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 19%.

16. Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế

16.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

16.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 140.358.020 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 113.404.260 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 26.953.760 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 19%.

17. Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

17.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

17.3. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 636.752.850 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 404.003.490 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 232.749.360 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 37%.

18. Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp

18.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

18.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 43.624.790 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 35.247.270 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 8.377.520 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 19%.

19. Đăng ký thành lập hộ kinh doanh

19.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

19.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 80.282.466.080 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 68.893.409.760 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 11.389.056.320 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14%.

20. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh

20.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

20.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 12.673.476.160 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10.875.587.520 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.797.888.640 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14%.

21. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (chỉ áp dụng cắt giảm đối với trường hợp cấp đổi)

21.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

21.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.206.753.200 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.035.560.400 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 171.192.800 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14%.

II. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (9 thủ tục)

1. TTHC Hỗ trợ kinh phí chuyển biển cho tàu cá khai thác thủy sản vùng khơi

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 23 ngày xuống còn 18 ngày.

1.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.463.160.960 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.967.794.560 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 495.366.400 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11%

2. Hỗ trợ cước phí thuê bao dịch vụ cho thiết bị giám sát hành trình

2.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 23 ngày xuống còn 18 ngày.

2.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 6.727.558.800 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5.980.866.800 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 746.692.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11%

3. Thưởng cho mỗi sản phẩm OCOP đạt hạng 3 sao trở lên

3.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày làm việc xuống còn 7 ngày làm việc.

3.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 316.707.960 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 260.979.240 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 55.728.720 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 18%.

4. Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch

4.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 57 ngày xuống còn 30 ngày.

4.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 873.840.880 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 657.482.320 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 216.358.560 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25%.

5. Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản

5.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 90 ngày xuống còn 50 ngày.

5.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 564.004.440 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 432.878.040 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 131.126.400 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 23%.

6. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản

6.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 180 ngày xuống còn 90 ngày.

6.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 990.165.240 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 695.130.840 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 295.034.400 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

7. Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình (cấp tỉnh)

7.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 90 ngày xuống còn 60 ngày.

7.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.378.677.520 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.138.279.120 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 240.398.400 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 17%.

8. Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản

8.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 43 ngày xuống còn 30 ngày.

8.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 218.687.040 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 180.806.080 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 37.880.960 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 17%.

9. Cấp giấy phép môi trường (cấp tỉnh)

9.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 20 ngày làm việc xuống còn 17 ngày làm việc.

9.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 232.778.480 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 208.738.640 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 24.039.840 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%.

III. LĨNH VỰC NỘI VỤ (05 thủ tục)

1. Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

1.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.507.411.080 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.369.943.640 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 137.467.440 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9%.

2. Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam

2.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

2.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 217.577.720 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 201.214.760 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 16.362.960 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8%.

3. Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam

3.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

3.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.333.314.840 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.200.542.200 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 132.772.640 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%.

4. Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm

4.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

4.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 30.228.600 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 25.586.200 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 4.642.400 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15%.

5. Khai báo với Sở Nội vụ địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động

5.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

5.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 577.564.600 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 400.564.040 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 177.000.560 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31%.

IV. LĨNH VỰC VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH (07 thủ tục)

1. Tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

1.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 245.627.520 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 202.500.480 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 43.127.040 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 18%.

2. Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn

2.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc.

2.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.415.674.440 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.207.855.080 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 207.819.360 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9%.

3. Cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa

3.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày xuống còn 6 ngày.

3.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 38.370.360 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 26.981.640 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 11.388.720 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

4. Cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa

4.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày xuống còn 6 ngày.

4.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 268.592.520 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 188.871.480 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 79.721.040 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

5. Cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế

5.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày xuống còn 6 ngày.

5.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 295.999.920 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 208.144.080 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 87.855.840 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

6. Công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch

6.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 30 ngày xuống còn 18 ngày.

6.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 134947600 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 89538800 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 45.408.800 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 34%.

7. Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh

7.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày xuống còn 09 ngày.

7.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 59.167.800 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 37.968.840 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 21.198.960 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 36%.

V. LĨNH VỰC XÂY DỰNG (10 thủ tục)

1. Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày xuống còn 9 ngày.

1.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 364.537.320 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 283.676.040 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 80.861.280 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22%.

2. Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ

2.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết: đối với công trình từ 20 ngày xuống còn 12 ngày, đối với nhà ở riêng lẻ từ 15 ngày xuống còn 9 ngày.

2.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 7.111.738.520 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5.576.102.680 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.535.635.840 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22%.

3. Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác

3.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 07 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc.

3.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 40.937.920 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 32.196.160 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 8.741.760 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 21%

4. Cấp mới chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng

4.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 55 ngày xuống còn 33 ngày.

4.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.115.892.880 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.385.957.040 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 4.729.935.840 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 34%.

5. Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã

5.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày xuống còn 12 ngày.

5.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 85.464.600 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 69.049.240 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 16.415.360 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 19%.

6. Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương

6.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày xuống còn 12 ngày.

6.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10.922.377.600 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.205.078.400 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.717.299.200 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16%.

7. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

7.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết: Đối với công trình nhóm A từ 35 ngày xuống còn 21 ngày, Đối với công trình nhóm B từ 25 ngày xuống còn 15 ngày, Đối với công trình nhóm C từ 15 ngày xuống còn 9 ngày.

7.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.329.891.840 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.085.898.240 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 243.993.600 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 18%.

8. Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

8.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết: Đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I từ 40 ngày xuống còn 24 ngày; Đối với công trình cấp II và cấp III từ 30 ngày xuống còn 18 ngày; Đối với công trình còn lại từ 20 ngày xuống còn 12 ngày.

8.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 985.633.440 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 793.314.720 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 192.318.720 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

9. Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào

9.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 02 ngày làm việc xuống còn 01 ngày làm việc.

9.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.861.538.360 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.558.974.280 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 3.302.564.080 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22%.

10. Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác

10.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 07 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc.

10.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 199.125.360 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 181.447.280 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 17678080 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9%

VI. LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG (03 thủ tục)

1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 25 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc.

1.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 458.942.400 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 313.246.400 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 145.696.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 32%

2. Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu

2.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 20 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc.

2.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.607.412.040 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.354.265.240 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 253.146.800 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%.

3. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu

3.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 20 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc.

3.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.339.920.960 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 920.507.840 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 419.413.120 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31%.

VII. LĨNH VỰC Y TẾ (03 thủ tục)

1. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 30 ngày xuống còn 24 ngày.

1.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 9.080.321.080 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.587.665.560 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.492.655.520 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16%

2. Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh

2.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 70 ngày xuống còn 53 ngày.

2.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 712.453.440 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 555.101.760 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 157.351.680 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22%.

3. Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật Dược) theo hình thức xét hồ sơ

3.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 20 ngày xuống còn 13 ngày.

3.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 6.210.838.360 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.913.051.240 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.297.787.120 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 21%.

VIII. LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (04 thủ tục)

1. Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 25 ngày xuống còn 15 ngày.

1.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 493.909.440 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 402.411.840 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 91.497.600 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 19%.

2. Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế

2.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 25 ngày xuống còn 15 ngày.

2.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 411.591.200 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 338.743.200 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 76.248.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 19%.

3. Bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế

3.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 25 ngày xuống còn 15 ngày.

3.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 353.252.520 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 288.441.720 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 64.810.800 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 18%.

4. Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ (Đối với người phụ trách an toàn tại cơ sở X-quang chẩn đoán y tế)

4.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày làm việc xuống còn 06 ngày làm việc.

4.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 118.013.760 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 83.766.720 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 39.047.040 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33%.

IX. LĨNH VỰC TƯ PHÁP (01 thủ tục)

1. Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

1.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 162.268.920 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 114.189.240 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 48.079.680 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9%.

X. LĨNH VỰC CỦA BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ ĐÔNG NAM (10 thủ tục)

1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày xuống còn 12 ngày.

1.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 280.165.440 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 253.940.160 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 26225280 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9%.

2. Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh (BQL)

2.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 32 ngày xuống còn 20 ngày.

2.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 236.242.080 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 183.791.520 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 52.450.560 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22%.

3. Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý

3.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 25 ngày xuống còn 15 ngày.

3.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 188.508.760 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 148.442.360 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 40.066.400 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 21%.

4. Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý

4.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày xuống còn 07 ngày.

4.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 347.972.320 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 273.667.360 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 74.304.960 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 21%.

5. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh

5.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết, Đối với dự án nhóm A từ 35 ngày xuống còn 24 ngày, Đối với dự án nhóm B từ 20 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc, Đối với dự án nhóm C từ 20 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc.

5.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.171.118.960 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.002.840.080 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 168.278.880 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13%.

6. Cấp giấy phép xây dựng công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)

6.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 20 ngày xuống còn 12 ngày.

6.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 336.951.120 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 272.844.880 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 64.106.240 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 19%.

7. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình hoặc hạng mục công trình đưa vào sử dụng

7.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 30 ngày xuống còn 12 ngày.

7.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 274.194.560 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 169.293.440 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 104.901.120 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 38%.

8. Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp

8.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

8.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 202.776.960 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 158.209.920 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 44.567.040 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22%.

9. Hỗ trợ các hãng tàu biển vận chuyển container quốc tế và nội địa đi, đến cảng Cửa Lò, tỉnh Nghệ An

9.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

9.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 71.641.360 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 61.442.640 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 10.198.720 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14%.

10. Hỗ trợ các doanh nghiệp có hàng hóa xuất khẩu hoặc nhập khẩu vận chuyển bằng container đi, đến cảng Cửa Lò, tỉnh Nghệ An

10.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

10.2. Lợi ích của đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 25.586.200 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 21.943.800 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 3.642.400 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14%/.